

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/DS -ST
Ngày: 05 - 3 - 2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp họ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Tuấn.

Ông Nguyễn Phùng Như

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diễm Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 343/2020/TLST - DS, ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp họ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐST-DS, ngày 18 tháng 02 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Cam S, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Cay H, xã Hoa A, huyện GR, tỉnh KG

- Bị đơn: Bà Tran Thi L, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Cay H, xã Hoa A, huyện GR, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Trương Thị Cam S trình bày:

Từ ngày 11/02/2020 bà có tham gia 05 chân hội tuần, mỗi chân hội 300.000 đồng, bà đóng được 19 lần, còn 02 lần nữa mãn hội. Ngày 09/4/2020 tham gia 02 chân hội tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, đóng được 03 lần và 02 chân hội mùa, mỗi chân 5.000.000 đồng, bà đóng 01 lần thì L úp hội. Tổng cộng bà tính các lần tiền đóng và tiền hội chết bà được hưởng là 88.500.000 đồng, nên bà yêu cầu bà L

phải giao cho bà số tiền này, nhưng do bà L đã bề hội nên bà chỉ yêu cầu bà L giao cho bà số tiền gốc bà đã đóng cho bà L là 73.750.000 đồng (bảy mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng), bà không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Tran Thi L trình bày: Bà L xác nhận lời trình bày của bà S về thời gian tham gia hội, số chân hội tham gia và số tiền như bà S trình bày là đúng. Nay bà đồng ý trả số tiền hội còn thiếu của bà S là 73.750.000 đồng, nhưng do hiện tại hội của bà bị bề, còn nhiều người nợ bà nên bà không có khả năng trả nợ hội cho bà S trong một lần, bà xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên toà Hội đồng xét xử cũng như đương sự thực hiện đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn bà S rút một phần yêu cầu khởi kiện so với ban đầu, chỉ yêu cầu bà L trả số tiền hội còn nợ là 73.750.000 đồng, bà L cũng thừa nhận còn nợ số tiền hội trên, đồng ý trả và xin trả dần, nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ một phần khởi kiện nguyên đơn đã rút.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Truong Thi Cam S yêu cầu bà Tran Thi L giao số tiền hội còn thiếu là 73.750.000 đồng. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự góp hội theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền:* Bị đơn bà Tran Thi L có địa chỉ nơi cư trú tại ấp Cây Huệ, xã Hoà An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, bà S khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng là phù hợp với quy định.

[3] *Về nội dung tranh chấp:*

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác nhận hai bên có tham gia chơi các chân hụi như sau: Ngày 09 tháng 4/2020 (âm lịch) bà L có mở dây hụi 2.000.000 đồng) gồm có 16 người, 01 tháng xổ 01 lần. Bà S tham gia 05 chân, hụi mở được 3 lần; ngày 09 tháng 4/2020 (âm lịch) bà L mở dây hụi 5.000.000 đồng, hụi mùa, bà S tham gia 02 chân, hụi mở được 01 lần; gày 11/02/2020 (âm lịch) bà L mở chân hụi tuần 300.000 đồng, bà S tham gia 05 chân, hụi mở được 19 lần thì bà L ngưng. Tổng cộng các chân hụi bà L phải giao cho bà S là 88.500.000 đồng (tám mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng). Nay bà S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà L trả lại cho bà số tiền hụi gốc là 73.750.000 đồng (bảy mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng), bà S không yêu cầu tính lãi.

Theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về trách nhiệm của chủ hộ do không giao hoặc giao không đầy đủ các phần hộ cho thành viên được lĩnh hộ:

Trường hợp đến kỳ mở hộ mà chủ hộ không giao các phần hộ cho thành viên được lĩnh hộ thì chủ hộ có trách nhiệm đối với thành viên đó như sau:

1. *Thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 18 của Nghị định này.*
2. *Trả lãi đối với số tiền chậm giao cho thành viên được lĩnh hộ theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị định này.*
3. *Chịu phạt vi phạm trong trường hợp những người tham gia dây hộ có thỏa thuận phạt vi phạm theo quy định tại Điều 418 của Bộ luật dân sự.*
4. *Bồi thường thiệt hại (nếu có).*

Xét thấy, việc tham gia chơi hụi, họ, biêu, phường là việc thoả thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại nhằm mục đích tương trợ trong nhân dân, nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện tham gia mở hụi và góp hụi đã được các bên thống nhất với nhau là bà Tran Thi L phải có trách nhiệm giao lại cho bà S số tiền 73.750.000 đồng. Do đó yêu cầu của bà S là có cơ sở chấp nhận. Bà L xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Việc xin trả dần này không được nguyên đơn chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Đình chỉ một phần yêu cầu nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện. Buộc bị đơn bà Tran Thi L phải trả cho bà S số tiền hụi là 73.750.000 đồng (bảy mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng)

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của BLTTDS, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu khởi kiện của bà Truong Thi Cam S được chấp nhận nên bà S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Truong Thi Cam S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.212.500 đồng (hai triệu, hai trăm mười hai nghìn năm trăm đồng), theo biên lai thu số 0005718, ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bà Tran Thi L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền có trách nhiệm phải trả cho bà S là $73.750.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.687.500 \text{ đồng}$ (ba triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Truong Thi Cam S. Buộc bà Tran Thi L phải giao trả cho bà Truong Thi Cam S số tiền hội là 73.750.000 đồng (bảy mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Đình chỉ một phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS.

2. Án phí:

Hoàn trả lại cho bà Truong Thi Cam S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.212.500 đồng (hai triệu hai trăm mười hai nghìn năm trăm đồng), theo biên lai

thu số 0005718, ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bà Tran Thi L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền có trách nhiệm phải trả cho bà S là $73.750.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.687.500 \text{ đồng}$ (ba triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ